

QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊ-NIN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI

■ THS. NGUYỄN ĐỨC MẠNH (*)

Là một lãnh tụ của Đảng Bôn-sê-vích và của nhà nước kiểu mới - nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, V.I.Lê-nin đã đề cập và chỉ đạo một cách toàn diện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm đầu tiên của Nhà nước Liên bang Xô-viết.

1. Sau khi cuộc nội chiến kết thúc, V.I.Lê-nin đã dành phần lớn công sức và trí tuệ để lãnh đạo, chỉ đạo Đảng và Nhà nước Xô-viết tập trung vào nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế. V.I.Lê-nin đã cảm nhận rất rõ trong hoàn cảnh thời bình, việc duy trì và tiếp tục thực hiện chính sách kinh tế thời chiến đã bộc lộ những mặt hạn chế, không thích hợp. Đặc điểm chủ yếu của Chính sách kinh tế thời chiến là nhà nước áp dụng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh để thực hiện việc trung thu, trung mua tài sản của các tầng lớp phú nông, địa chủ, tư sản; thực hiện sự phân phối và bán lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng theo định lượng; cấm việc sản xuất, buôn bán cá thể, tư nhân theo kiểu “ngăn sông, cấm chợ”. Mặt hạn chế của chính sách này trong hoàn cảnh thời bình là không khơi dậy ý chí, năng lực của toàn dân hướng vào sự phát triển kinh tế; tạo cho quần chúng lao động tâm lý thụ động, “trông chờ, ỉ lại vào nhà nước; thậm chí dẫn đến làm nảy sinh các hoạt động kinh tế ngầm đối phó với nhà nước. Để khắc phục mặt hạn chế, không thích hợp của chính sách kinh tế thời chiến, V.I.Lê-nin chủ trương thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) với nội dung chủ yếu là giải phóng các lực lượng sản xuất trong xã hội, lôi cuốn toàn dân tham gia vào công cuộc xây dựng kinh tế; cho phép các hình thức kinh tế phi

nhà nước hoạt động bên cạnh các hình thức kinh tế quốc doanh và tập thể; cho phép tự do buôn bán đi đôi với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát của nhà nước; cử cán bộ đến các nước tư bản học tập cách thức tổ chức, quản lý, nghiên cứu khoa học kỹ thuật v.v.. sử dụng chuyên gia tư sản tư vấn, làm việc và đào tạo ở một số lĩnh vực tổ chức, quản lý, sản xuất, áp dụng khoa học, kỹ thuật.

Việc thực hiện chủ trương Chính sách kinh tế mới trong hoàn cảnh vừa ra khỏi cuộc nội chiến đã đặt ra những vấn đề tranh luận về đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, về thời kỳ quá độ... đồng thời cũng đã đặt ra những thách thức về năng lực chuyên môn, trình độ tổ chức, quản lý thực tiễn của số đông cán bộ Đảng và Nhà nước Xô-viết. Những vấn đề này đã được Lê-nin phân tích và giải đáp trong các bài nói, bài viết của mình trong những năm thực hiện Chính sách kinh tế mới.

2. V.I.Lê-nin cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là một xu thế tất yếu trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc áp đặt ách nô dịch, cướp đoạt đối với các dân tộc chậm phát triển; mặt khác thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Nhà nước Xô-viết sẽ có tác động cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đứng lên làm cuộc cách mạng giải phóng và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Điều đó sẽ dẫn đến tình thế là chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc có thể bị đánh bại bởi các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc; nhưng chủ nghĩa tư bản (CNTB) thế giới thì vẫn tồn tại như một hệ thống vững chắc đối lập với chủ nghĩa xã hội (CNXH). Theo V.I.Lê-nin, trong điều kiện tồn tại hai hệ thống chính trị, tư tưởng đối lập thì cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa CNXH và CNTB, suy cho

(*) Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

đến cùng sẽ là vấn đề năng suất lao động. Người còn nói CNXH có sức lôi cuốn, hấp dẫn loài người hay không, có đứng vững và trở thành hiện thực hay không, vấn đề suy đến cùng cũng vẫn là ở chỗ năng suất lao động mà CNXH tạo ra có cao hơn CNTB hay không. Đến những năm cuối thập kỷ 80 thế kỷ 20, sự tan rã của các nước XHCN Đông Âu, sau đó đến Liên-xô là do nhiều nguyên nhân; nhưng chắc chắn có một nguyên nhân là năng suất lao động ở các nước này thua kém hơn nhiều lần so với các nước TBCN láng giềng. Bằng chứng rõ nhất cho điều mà Lê-nin cảnh báo, đó là sự chênh lệch về mức sống, thu nhập, hưởng thụ của cư dân hai miền Tây Đức TBCN và Đông Đức XHCN, trong khi mức sống của người dân Đông Đức ở thời đó được xếp hạng cao nhất trong các nước XHCN.

V.I.Lê-nin đã phân tích và cho rằng: cuộc cách mạng XHCN thắng lợi và sự ra đời của nhà nước XHCN như nước Nga (là nước TBCN có trình độ phát triển ở mức trung bình) thì nó mới đạt được mục tiêu giải phóng các tầng lớp quần chúng lao động đông đảo khỏi chế độ áp bức, bóc lột và thiết lập nhà nước của họ. Nhà nước đó ở thời kỳ ban đầu chưa có được kinh nghiệm và năng lực về tổ chức, quản lý, về khoa học, công nghệ... Vì thế, nhà nước đó phải có những nỗ lực rất lớn, phải chạy đua với thời gian, phải không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ mọi mặt thì mới đứng vững được và mới chứng tỏ được tính ưu việt của mình. Sự đòi hỏi đó lại càng đặt ra một cách mạnh mẽ, quyết liệt hơn đối với những nước nông nghiệp lạc hậu bước vào thời kỳ quá độ XHCN bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

3. Đầu thế kỷ 20, V.I.Lê-nin đã nhận thấy năng suất lao động ở các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý... tăng lên nhanh chóng là nhờ vào cách thức tổ chức sản xuất đại công nghiệp quy mô lớn, là nhờ vào những phát minh khoa học và những đổi mới về kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt là nhờ vào vai trò tổ chức, quản lý của nhà nước trong việc tạo lập hệ thống pháp luật, ban hành cơ chế, thủ tục nhằm khuyến khích và bảo hộ sự cạnh tranh sản phẩm hàng hoá của các công ty, doanh nghiệp tư bản trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Thực tế đó càng khẳng định sự

phân tích của V.I.Lê-nin về vai trò, trách nhiệm của nhà nước XHCN đối với sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội.

V.I.Lê-nin nói rằng, nhà nước XHCN có hai chức năng cơ bản: thứ nhất là chuyên chính, bảo vệ tổ quốc chống thù trong, giặc ngoài; thứ hai là tổ chức, quản lý nhằm lôi cuốn, tạo điều kiện cho toàn dân thi đua xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá. Hai chức năng này có mối quan hệ biện chứng, nhân quả với nhau, trong đó chức năng tổ chức, quản lý (chức năng kinh tế) của nhà nước được coi là chức năng chủ yếu, quyết định sức mạnh và hiệu quả của chức năng thứ nhất. Muốn thực hiện được chức năng thứ hai, bộ máy nhà nước (khi đó cụ thể là các bộ, các cơ quan dân ủy) phải được tổ chức lại cho gọn nhẹ; phải bớt giảm các cuộc họp vô bổ, các cuộc bàn thảo triền miên, thay vào đó là phải xác định trách nhiệm đến từng tổ chức, cá nhân; phải loại trừ bệnh quan liêu và nạn hối lộ trong bộ máy; phải thực sự làm cho bộ máy vận hành trơn tru và chính xác như cỗ máy đồng hồ; phải đặt ra yêu cầu cho mọi cán bộ, đảng viên phấn đấu tu dưỡng, học tập theo tinh thần: "Học, học nữa, học mãi"; phải giáo dục, đào tạo cán bộ, đảng viên về tinh thần, đạo đức cộng sản và sự thành thạo công việc v.v.. Việc thực hiện công cuộc phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội đòi hỏi trước hết nhà nước phải ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cho nhiệm vụ điện khí hoá toàn quốc và xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện đại, quy mô lớn của CNXH để các cơ sở này thực sự đóng vai trò hỗ trợ, tác động mạnh đến việc tổ chức lại phương thức sản xuất trong khu vực nông nghiệp, qua đó từng bước làm thay đổi tâm lý, thói quen làm ăn manh mún phân tán, tùy tiện, vô chính phủ của người tiểu nông. Lực lượng trực tiếp tạo ra năng suất lao động xã hội là các thành phần kinh tế bao gồm các công ty, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tập thể và cá thể, trong đó các công ty, doanh nghiệp của nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Như vậy là hệ thống quản lý nhà nước tuy đóng vai trò gián tiếp trong việc tạo ra năng suất lao động xã hội, nhưng lại là vai trò hết sức quan trọng vì nhà nước thực hiện sự quản lý trên hầu khắp các lĩnh vực; nhà nước

ban hành chính sách, pháp luật, quy định thủ tục, tạo dựng và bảo đảm môi trường pháp lý, trật tự an toàn, an sinh xã hội; nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển y tế, giáo dục; giảm thiểu bất bình đẳng xã hội, điều tiết chênh lệch giàu nghèo, bảo đảm sự phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá... Thông qua vai trò trực tiếp và gián tiếp phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội mà nhà nước XHCN đã thực sự đóng vai trò tổ chức, định hướng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới XHCN với đặc trưng nổi bật của nó là tự do - dân chủ - công bằng - đạo đức - văn minh hơn so với chế độ TBCN. Nếu đạt được những yêu cầu phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động một cách toàn diện như thế thì CNXH sẽ là mục tiêu hấp dẫn nhất, vì con người nhất.

4. Quan điểm của V.I.Lê-nin về phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội nêu ra cách đây gần một thế kỷ, nhưng vẫn luôn có giá trị lý luận và thực tiễn đối với các nước định hướng XHCN như Việt Nam. Nhà nước ta đang triển khai công cuộc cải cách hành chính, không chỉ xuất phát từ nhu cầu tự thân của nền hành

chính mà xuất phát từ vai trò, trách nhiệm của nhà nước trước yêu cầu phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động xã hội và cao hơn là vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ngay cả đối với các nước đang phát triển và đã trở thành các nước công nghiệp mới (NIC) như Hàn Quốc, cách thức tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động cũng có những nét cơ bản trùng hợp với những điều mà V.I.Lê-nin đã nêu ra. Bài học về tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động ở các nước này cho thấy các công ty, doanh nghiệp và các giới lao động của họ không chỉ biết tổ chức, quản lý, kinh doanh năng động, nhạy bén; biết tôn quý, trọng thị, trọng đãi chuyên gia, người tài; biết cách gắn kết thị trường trong nước với thị trường khu vực và quốc tế mà còn biết dựa vào nhà nước, gắn bó, tin tưởng nhà nước. Ngược lại, nhà nước ở các quốc gia này luôn đóng vai trò tư vấn, môi giới, cầm lái, luôn chống ba loại kẻ thù nguy hiểm bên trong nhà nước như V.I.Lê-nin nói, đó là bệnh quan liêu, nạn hối lộ và thói kiêu ngạo nhằm làm cho nhà nước trở nên gọn nhẹ, hiện đại, trong sạch, hiệu quả và chuyên nghiệp □

CƠ SỞ KHOA HỌC ...

(Tiếp theo trang 28)

cách tính toán khác với luân chuyển công chức hành chính, trong đó bảo đảm người làm chuyên môn phải là người giỏi. Không ít địa phương có tình trạng người học ngành này lại được điều động sang làm việc ở ngành khác khiến cho giữa đào tạo và sử dụng viên chức trong tình trạng bị "chéo khoèo" giữa chuyên môn và công việc. Bảo đảm tính thống nhất liên hệ hữu cơ giữa sử dụng và đào tạo. Không thể để người được đào tạo chính quy không được vào cơ quan làm việc theo đúng chuyên môn, trong khi nhiều cơ quan lại đang có nguồn lực chất lượng không cao.

Thứ ba, tiến tới một xã hội dân sự, hoạt động kinh tế và dịch vụ sao cho huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn từ trong

nhân dân. Hệ thống viên chức nằm trong hệ thống dịch vụ (bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu...) có thể do công lập hoặc dân lập. Cái gì người dân làm được thì nhà nước không nên làm; cái gì người dân làm tốt hãy khuyến khích cho dân làm; cái gì người dân không muốn làm mà có giá trị và mang lại lợi ích xã hội thì nhà nước phải làm. Nếu người dân tham gia nhiều hoạt động dịch vụ thì sẽ phải chăm lo cho đội ngũ viên chức của họ. Việc công chứng cho người dân trong giao dịch dân sự, pháp luật đã cho phép thực hiện công chứng tư. Như vậy, lĩnh vực dịch vụ xã hội ngày càng mở rộng, phát triển, có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Đội ngũ viên chức ngày càng lớn mạnh và đa dạng, đòi hỏi được quản lý bằng pháp luật của Nhà nước, để đóng góp nhiều hơn, hiệu quả hơn cho đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế □